

BẢNG ĐIỂM KỲ THI

CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 28/12/2025

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB13175	Nguyễn Trần Hoàng	Ân	24/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	8.0	Đạt	
2	BKCB13176	Đào Duy	Anh	15/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	7.5	Đạt	
3	BKCB13177	Lê Ngọc	Anh	07/05/2000	An Giang	9.67	6.17	Đạt	
4	BKCB13178	Phạm Hồng	Bảo	17/08/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	5.17	Đạt	
5	BKCB13179	Trịnh Hoàng Gia	Bảo	21/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.33	Đạt	
6	BKCB13180	Nguyễn Sỹ Duy	Bình	03/02/2001	Đồng Nai	9.33	9.33	Đạt	
7	BKCB13181	Phan Thanh	Bình	19/11/2003	Sóc Trăng	9.33	8.0	Đạt	
8	BKCB13182	Bùi Thị Hoàng	Cầm	18/06/2005	Đắk Lắk	9.0	5.5	Đạt	
9	BKCB13183	Nguyễn Cao Kim	Châu	12/10/2000	An Giang	9.67	5.83	Đạt	
10	BKCB13184	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	21/08/2000	An Giang	9.67	8.83	Đạt	
11	BKCB13185	Phạm Thị Minh	Chi	13/09/2000	Lâm Đồng	8.67	8.67	Đạt	
12	BKCB13186	Võ Hùng	Cường	23/01/2000	Bình Phước	8.33	6.33	Đạt	
13	BKCB13187	Trần Minh	Đăng	21/01/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	5.83	Đạt	
14	BKCB13188	Nguyễn Thị Tâm	Đoan	01/02/2004	Đắk Lắk	6.0	5.0	Đạt	
15	BKCB13189	Nguyễn Trí	Đức	06/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	8.33	Đạt	
16	BKCB13190	Lê Minh	Duy	17/08/2006	Đồng Tháp	8.0	8.0	Đạt	
17	BKCB13191	Phạm Ngọc Quỳnh	Giang	24/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	9.0	Đạt	
18	BKCB13192	Trần Thị Hương	Giang	11/04/2000	Lâm Đồng	9.67	9.33	Đạt	
19	BKCB13193	Nguyễn Thị Kim	Hà	14/03/2004	Đồng Nai	9.33	8.83	Đạt	
20	BKCB13194	Nguyễn Trúc	Hà	13/08/2000	An Giang	7.67	6.67	Đạt	
21	BKCB13195	Tạ Thị	Hà	12/06/2005	Bắc Ninh	9.67	9.33	Đạt	
22	BKCB13196	Nguyễn Thị Hiếu	Hạnh	16/06/1998	Bình Định	10.0	9.0	Đạt	
23	BKCB13197	Thái Gia	Hào	19/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	8.67	Đạt	
24	BKCB13198	Phan Thị Ngọc	Hiếu	10/04/2000	Đồng Nai	5.67	5.67	Đạt	
25	BKCB13199	Bùi Quang	Hoàng	21/10/2003	Đồng Nai	6.67	6.83	Đạt	
26	BKCB13200	Trần Đỗ Huy	Hoàng	31/03/2004	Tây Ninh	7.0	6.83	Đạt	
27	BKCB13201	Nguyễn Thị Bích	Hồng	22/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
28	BKCB13202	Đặng Nhật	Huy	14/09/2004	Gia Lai	6.33	6.83	Đạt	
29	BKCB13203	Trần Đình Minh	Huy	12/10/2002	Bến Tre	7.33	6.83	Đạt	
30	BKCB13204	Nguyễn Đức Quang	Khải	13/11/2007	Đắk Lắk	8.33	8.83	Đạt	
31	BKCB13205	Lê Nguyễn Yến	Khoa	02/11/1999	Đồng Tháp				Vắng
32	BKCB13206	Xà Tấn	Khoa	08/10/2003	Bến Tre	5.67	8.67	Đạt	
33	BKCB13207	Thân Trung	Kiên	27/01/2005	Khánh Hòa	7.67	9.17	Đạt	
34	BKCB13208	Võ Văn	Kiệt	22/10/1995	Cần Thơ	10.0	8.17	Đạt	
35	BKCB13209	Tăng Uy	Lâm	29/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	8.83	Đạt	
36	BKCB13210	Lê Võ Thuý	Linh	29/05/2004	Đồng Nai	10.0	9.0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
37	BKCB13211	Nguyễn Thái Phương	Linh	11/12/2007	Vĩnh Long	8.67	6.33	Đạt	
38	BKCB13212	Nguyễn Thị Kim	Linh	22/07/2002	Gia Lai	10.0	8.83	Đạt	
39	BKCB13213	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	30/04/2005	Long An	9.33	8.83	Đạt	
40	BKCB13214	Nguyễn Thị Thùy	Linh	29/10/2005	Đắk Lắk	8.33	6.17	Đạt	
41	BKCB13215	Thạch Bùi Hoàng	Linh	05/10/2004	Quảng Ngãi	9.67	6.67	Đạt	
42	BKCB13216	Nguyễn Thị Cẩm	Lời	09/08/2007	Sóc Trăng	7.33	8.83	Đạt	
43	BKCB13217	Trương Bảo	Long	24/02/2005	Đồng Nai	6.67	6.5	Đạt	
44	BKCB13218	Phan Văn	Minh	18/08/1997	Hung Yên	8.33	7.83	Đạt	
45	BKCB13219	Nguyễn Ngọc Hoàng	My	26/09/2003	Thanh Hóa	7.33	6.33	Đạt	
46	BKCB13220	Nguyễn Thanh	Nam	11/11/2005	Đồng Tháp				Vắng
47	BKCB13221	Dương Thị Hoàng	Ngân	15/09/2004	Đồng Nai	10.0	9.17	Đạt	
48	BKCB13222	Trần Thị Thuỳ	Ngân	14/02/2004	Đắk Lắk	9.67	9.17	Đạt	
49	BKCB13223	Vũ Thảo	Ngân	16/04/2008	Cà Mau	8.0	9.0	Đạt	
50	BKCB13224	Đỗ Văn	Nghĩa	13/11/1996	Đắk Lắk	9.67	9.0	Đạt	
51	BKCB13225	Nguyễn Thanh	Ngọc	05/07/2002	Long An	7.33	7.17	Đạt	
52	BKCB13226	Trần Thị Bích	Ngọc	21/08/1998	Lâm Đồng	10.0	8.67	Đạt	
53	BKCB13227	Đinh Thảo	Nguyên	26/05/1998	Bình Thuận	5.0	8.83	Đạt	
54	BKCB13228	Trần Thảo	Nguyên	28/11/2003	Vĩnh Long	6.67	6.33	Đạt	
55	BKCB13229	Phạm	Nguyễn	23/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	8.67	Đạt	
56	BKCB13230	Nguyễn Minh	Nguyệt	26/09/1993	Lâm Đồng	9.0	8.67	Đạt	
57	BKCB13231	Nguyễn Trương Ngọc	Nhã	15/07/2005	Đắk Lắk	6.33	8.33	Đạt	
58	BKCB13232	Nguyễn Thị Huỷnh	Nhi	28/11/2004	Long An	6.0	6.83	Đạt	
59	BKCB13233	Phan Thị Tuyết	Nhi	27/02/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	9.5	Đạt	
60	BKCB13234	Lê Tâm	Như	11/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.33	Đạt	
61	BKCB13235	Hứa Hà Kiều	Oanh	10/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	7.33	Đạt	
62	BKCB13236	Lý Đức	Phát	21/02/2005	Đồng Nai	5.67	6.33	Đạt	
63	BKCB13237	Nguyễn Hồng Minh	Phúc	10/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	2.83	Không đạt	Không Word, Excel
64	BKCB13238	Huỷnh Gia	Phụng	06/12/2001	Đồng Nai	6.33	6.17	Đạt	
65	BKCB13239	Đặng Quỳnh	Phương	07/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	9.33	Đạt	
66	BKCB13240	Kiều Ngọc Tâm	Phương	13/08/2004	Long An				Vắng
67	BKCB13241	Lê Mai	Phương	24/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	9.0	Đạt	
68	BKCB13242	Nguyễn Nam	Phương	15/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.33	Đạt	
69	BKCB13243	Nguyễn Minh	Quân	07/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	5.67	Đạt	
70	BKCB13244	Đặng Đình	Quang	15/02/2001	Nghệ An	8.67	9.0	Đạt	
71	BKCB13245	Đỗ Đình	Quốc	03/11/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.17	Đạt	
72	BKCB13246	Nguyễn Hòa Liên	Quyền	13/05/2004	Khánh Hòa	8.0	8.33	Đạt	
73	BKCB13247	Vũ Như	Quỳnh	17/08/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	8.67	Đạt	
74	BKCB13248	Lê Nguyễn Ngọc Minh	Sang	07/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.67	Đạt	
75	BKCB13249	Nguyễn Thanh	Son	11/11/1995	Lâm Đồng				Vắng
76	BKCB13250	Trần Thị Mỹ	Tâm	23/03/2003	Đồng Nai	9.33	9.17	Đạt	
77	BKCB13251	Nguyễn Hữu	Thanh	02/05/1982	Thái Bình	7.33	8.33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
78	BKCB13252	Phan Thị Ngọc	Thảo	10/06/2002	Đồng Nai	6.33	5.33	Đạt	
79	BKCB13253	Nguyễn Hoàng	Thịnh	16/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	8.83	Đạt	
80	BKCB13254	Nguyễn Thị Kim	Thoa	30/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	8.83	Đạt	
81	BKCB13255	Huỳnh Gia	Thông	12/07/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.83	Đạt	
82	BKCB13256	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/07/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	7.33	Đạt	
83	BKCB13257	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	05/03/1995	Tây Ninh				Vắng
84	BKCB13258	Phạm Thị Bảo	Tiên	09/08/2004	Đồng Nai	9.0	8.5	Đạt	
85	BKCB13259	Lê Hồ Ngọc	Trâm	12/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.0	Đạt	
86	BKCB13260	Nguyễn Trần Phương	Trâm	24/08/2007	Tây Ninh	8.67	8.67	Đạt	
87	BKCB13261	Huỳnh Quế	Trân	14/10/2003	Vĩnh Long	8.0	9.17	Đạt	
88	BKCB13262	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	09/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	9.17	Đạt	
89	BKCB13263	Dương Nguyễn Phương	Trang	22/01/2001	Tây Ninh	9.0	9.17	Đạt	
90	BKCB13264	Thạch Minh	Trí	19/01/2000	Sóc Trăng	7.0	9.0	Đạt	
91	BKCB13265	Trương Minh	Trọng	05/02/2001	Tây Ninh	8.33	9.17	Đạt	
92	BKCB13266	Nguyễn Trần Nhã	Trúc	04/05/2001	Tây Ninh	8.33	9.0	Đạt	
93	BKCB13267	Lê Anh	Tú	06/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.83	Đạt	
94	BKCB13268	Trương Văn	Tuấn	02/12/1995	Phú Thọ	6.67	8.83	Đạt	
95	BKCB13269	Huỳnh Nữ Cao	Uyên	09/09/1996	Bình Định	8.33	6.67	Đạt	
96	BKCB13270	Lê Nguyễn Mỹ	Uyên	30/05/2004	Đồng Nai	8.67	6.83	Đạt	
97	BKCB13271	Nguyễn Tú	Uyên	21/08/2000	Kiên Giang	10.0	7.5	Đạt	
98	BKCB13272	Trần Ngọc Thanh	Uyên	23/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.0	Đạt	
99	BKCB13273	Nguyễn Hoàng	Việt	14/12/2005	Ninh Bình	7.0	9.0	Đạt	
100	BKCB13274	Hoàng Trịnh Ngọc	Vương	14/10/1995	Ninh Bình	7.67	8.33	Đạt	
101	BKCB13275	Đoàn Thị Khánh	Vy	25/03/2004	Quảng Ngãi	8.67	8.67	Đạt	
102	BKCB13276	Huỳnh Thuý	Vy	26/02/2005	Vĩnh Long	9.33	9.17	Đạt	
103	BKCB13277	Nguyễn Thị Thuý	Vy	23/10/2003	An Giang	9.33	9.17	Đạt	
104	BKCB13278	Trần Lê Phương	Vy	10/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	8.5	Đạt	
105	BKCB13279	Vũ Nguyễn Ánh	Vy	13/09/2004	Gia Lai	8.67	9.0	Đạt	
106	BKCB13280	Phan Thị Kim	Yến	08/03/2003	Đồng Tháp	3.33	0.0	Không đạt	
107	BKCB13281	Nguyễn Hồng Hoàng	Yến	16/05/2000	Gia Lai	9.33	8.67	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm)>=5 và Điểm thực hành >=5

Số lượng thí sinh:107Số thí sinh đạt:99

Số lượng hiện diện:101

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam